

PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

I. Thông tin vấn ban đến:

1. Số lý hiệu văn bản: 1244 Ngày đến: 18/8/2015; Hạn giải quyết công việc: 1 năm 2015.

2. Ý kiến chỉ đạo, xử lý của lãnh đạo: phòng ĐHTC

Ngày 18 tháng 8 năm 2015

ke

3. Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Khối: \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng 8 năm 2015

4. Lãnh đạo phòng phân công cán bộ xử lý: \_\_\_\_\_

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2015

II. Thông tin xử lý văn bản:

Vấn đề tranh: \_\_\_\_\_

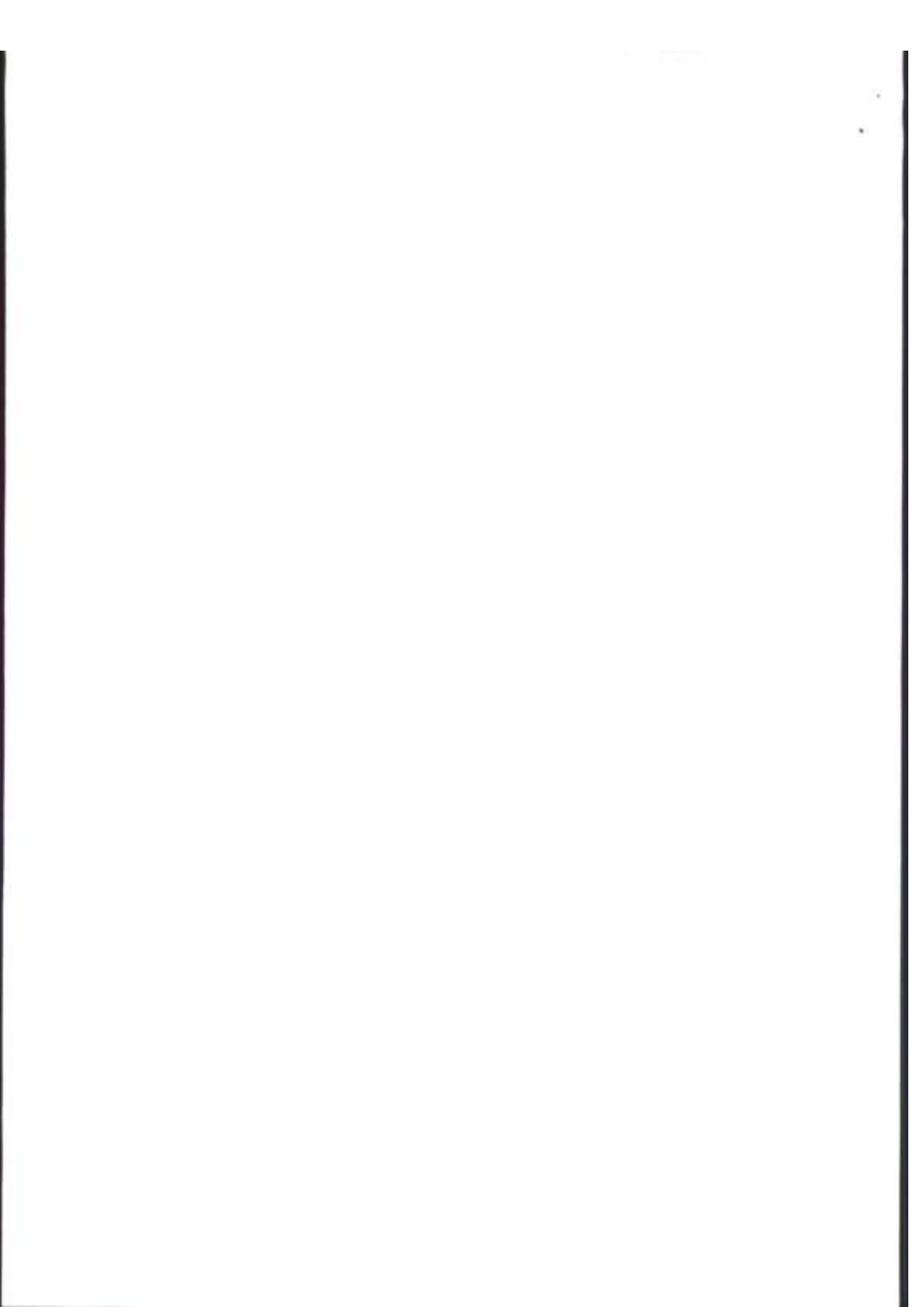
Cơ quan gửi văn bản yêu cầu giải quyết: \_\_\_\_\_

KẾT QUẢ XỬ LÝ SAU KHI ĐÃ THĂM TRA	Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG (Trước khi trình lãnh đạo Sở)
Họ và tên: _____	
	GIẢI QUYẾT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ

III. Kết quả giải quyết (Do chuyên viên giải quyết ghi)

- Đã ban hành văn bản số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2015 (đính kèm hồ sơ nộp lưu).

- Hồ sơ nộp lưu giữ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2015 Gồm có: \_\_\_\_\_



Số: 1244/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế dọc tuyến quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CÔNG VĂN BẢN

18 8 15

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006, của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31 tháng 10 năm /2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn tổ chức, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh về trình tự lập, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế dọc tuyến quốc lộ 14, tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án), gồm các xã: Quảng Tín, Đắk Ru, Nhân Cơ, Kiến Thành, Nghĩa Thắng, Đắk Wer, Nhân Đạo và thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R’Lấp; các phường Nghĩa Đức, Nghĩa Thành, Nghĩa Phú, Nghĩa Trung, Nghĩa Tân, và các xã: Đắk Nĩa, Đắk R’Moan, Quảng Thành, thị xã Gia Nghĩa; các xã Đắk Hòa, Nam Bình, Thuận Hạnh, Đắk N’Drung, Nam N’Jang, Trường Xuân và thị trấn Đức An, huyện Đắk Song; các xã Đắk Lao, Đắk R’la, Đắk Gản, Đắk N’Drot, Đức Mạnh, Đức Minh, Đắk Sắk, Thuận An và thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil; các xã Nam Dong, Tâm Thắng, Cư Knia, Trúc Sơn và thị trấn Ea T’ling, huyện Cư Jút. Với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Quan điểm phát triển:**

a) Phát triển hành lang kinh tế dọc tuyến quốc lộ 14, tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020, Quy



hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan;

b) Thể hiện được tác động lan tỏa tích cực (thông qua các liên kết kinh tế) với các địa phương khác trong toàn tỉnh nhất là những khu vực khó khăn và giữa tỉnh với các địa phương khác trong vùng có khả năng thực hiện các liên kết kinh tế. Tuyến hành lang kinh tế phải được xây dựng và đầu tư thành động lực phát triển kinh tế của toàn tỉnh;

c) Phải xuất phát từ lợi thế tuyến giao thông huyết mạch (quốc lộ 14), từ đó phát triển các đường liên kết ngang với quốc lộ 14 để khai thác các thế mạnh khác trên địa bàn tuyến hành lang kinh tế và thực hiện những liên kết kinh tế giữa tuyến hành lang kinh tế với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh có hiệu quả cao;

d) Phân bố dân cư và không gian phát triển các hạt nhân kinh tế, xã hội, đô thị một cách hợp lý và không bị chi phối bởi quan điểm kinh tế (văn hóa) mặt đường; phải bảo đảm phù hợp với phát triển kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế với xã hội;

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển hành lang kinh tế dọc tuyến quốc lộ 14 với bảo đảm quốc phòng, an ninh, quan hệ đối ngoại dọc tuyến biên giới đoạn qua địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu:**

### **a) Mục tiêu tổng quát:**

- Sử dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách kết hợp với việc khai thác tiềm năng, lợi thế các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế quốc lộ 14 qua địa bàn tỉnh Đắk Nông và các cửa khẩu của dải biên giới Tây Nam phát triển thành trung tâm và cầu nối kinh tế giữa các tỉnh vùng Tây Nguyên với vùng Đông Nam bộ, vùng duyên hải miền Trung, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia;

- Xây dựng tuyến hành lang kinh tế quốc lộ 14 trở thành khu vực động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Nông; lấy thị xã Gia Nghĩa làm hạt nhân phát triển;

- Từng bước nâng đời sống nhân dân đạt mức cao nhất so với trung bình các tỉnh vùng Tây Nguyên, ngang bằng với mức trung bình của cả nước; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn.

### **b) Mục tiêu cụ thể:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 22% - 23%, giai đoạn 2021 - 2030 đạt 19 - 20%;

- Đến năm 2020 tỷ trọng nông nghiệp chiếm 20%, công nghiệp chiếm 35% và dịch vụ chiếm 45% trong cơ cấu ngành kinh tế (tính theo GTSX); cơ cấu kinh tế tương ứng là 15%, 45% và 40% vào năm 2030;

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 65 triệu đồng/người và 136,5 triệu đồng vào năm 2030 (bằng với mức trung bình của cả nước); tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người hàng năm giai đoạn 2015 - 2020 là

16%, và giai đoạn 2021- 2030 là 12%;

- Đến năm 2020 tỷ lệ đô thị hóa đạt 40% dân số, đến năm 2030 đạt 60%.

### **3. Nhiệm vụ:**

#### **3.1. Quy hoạch phân bố không gian tổng thể hành lang kinh tế**

##### *3.1.1. Hình thành các tiểu vùng lãnh thổ trên tuyến hành lang*

- Tiểu vùng phía Bắc: bao gồm thị trấn Ea T'ling, các xã: Nam Dong, Tâm Thắng, Trúc Sơn và Cư Knia (huyện Cư Jút), các xã Đắk Rla, Đắk Gắn và Đắk N'Drót (huyện Đắk Mil). Tổng diện tích của tiểu vùng 358,3 km<sup>2</sup>; chiếm 16,8% tổng diện tích toàn vùng.

- Tiểu vùng Giữa: bao gồm thị trấn Đắk Mil, các xã Thuận An, Đắk Lao, Đức Mạnh, Đức Minh, Đắk Sắk (huyện Đắk Mil) và thị trấn Đức An, các xã Đắk Hòa, Nam Bình, Thuận Hạnh, Đắk N'Drung, Năm N'Jang (huyện Đắk Song). Diện tích của tiểu vùng Giữa là 859,38 km<sup>2</sup> chiếm 40,15,3% diện tích toàn tuyến.

- Tiểu vùng phía Nam: bao gồm toàn bộ thị xã Gia Nghĩa, xã Trường Xuân (huyện Đắk Song), thị trấn Kiến Đức và các xã Đắk Ru, Quảng Tín, Kiến Thành, Đắk Wer, Đắk R'Moan, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Đắk Nia (huyện Đắk R'Lấp). Diện tích tiểu vùng phía Nam là 922,3 km<sup>2</sup>, chiếm 43,5% diện tích toàn tuyến.

##### *3.1.2. Tổ chức mạng lưới đô thị*

\* Giai đoạn đến 2020:

a) Hệ thống đô thị trung tâm bao gồm: Đô thị Gia Nghĩa, đến năm 2020 sẽ nâng cấp thành đô thị loại III; Đô thị Đức Lập được nâng cấp từ thị trấn Đắk Mil hiện nay thành thị xã (đô thị loại IV giai đoạn đến 2020); Đô thị Kiến Đức được nâng cấp từ thị trấn Kiến Đức thành thị xã đô thị loại IV.

b) Mạng lưới đô thị vệ tinh, bao gồm: thị trấn Ea T'ling là hạt nhân tăng trưởng phía Bắc của tỉnh; thị trấn Đức An là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Đắk Song; thị trấn Đắk Rla là thị trấn huyện lỵ của huyện Đắk Mil mới; thị trấn Đạo Nghĩa là thị trấn huyện lỵ mới của huyện Đắk R'Lấp.

\* Giai đoạn đến 2030:

a) Mạng lưới đô thị trung tâm: thị xã Gia Nghĩa đạt tiêu chuẩn đô thị cấp III, và trở thành Thành phố Gia Nghĩa; thị xã Đức Lập được xây dựng là đô thị loại IV vào giai đoạn đến 2020 sẽ được phát triển thành đô thị loại 3 (thị xã tỉnh lỵ); Phát triển và mở rộng thị trấn Đức An trở thành thị xã Đức An để bảo đảm chức năng đô thị của huyện Đắk Song; Phát triển và mở rộng thị trấn Ea T'ling thành thị xã Ea T'ling để phát huy các lợi thế của thị trấn này và thực hiện tốt chức năng đô thị của tiểu vùng phía Bắc tuyến hành lang.

b) Mạng lưới đô thị vệ tinh sẽ được phát triển mạnh trên địa bàn tuyến hành lang, bao gồm mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng các thị trấn cũ, hình thành thêm một số thị trấn huyện lỵ mới như: thị trấn Thuận An với chức năng đô thị biên giới; thị trấn Năm N'Jang với chức năng thị trấn du lịch; thị trấn Đắk Ru với chức năng đô thị cửa ngõ.



### 3.2. Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

#### 3.2.1. Quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại ứng dụng kỹ thuật cao, sản xuất hàng hóa, có khả năng cạnh tranh cao. Đồng thời, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Đến năm 2020, có từ 1 đến 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng sinh thái nông nghiệp; hình thành vùng chăn nuôi tập trung ứng dụng kỹ thuật cao.

- Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân giai đoạn 2015-2020: 8,5%, giai đoạn đến 2030 là 7%.

- Đóng góp của ngành nông nghiệp vào GDP giai đoạn đến 2020 là 30%, đến 2030 là khoảng 15%.

#### 3.2.2. Quy hoạch phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp là khâu đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, tập trung vào các ngành chế biến nông, lâm sản, khai thác chế biến bauxite, điện nhôm và vật liệu xây dựng trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu và tài nguyên thiên nhiên tại chỗ, tạo thêm nhiều việc làm. Làm thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp để đến năm 2020 đạt cơ cấu: công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân giai đoạn 2015-2020: 25%, giai đoạn đến 2030 là 20%.

- Đóng góp của ngành công nghiệp vào GDP giai đoạn đến 2020 là 35%, đến 2030 là khoảng 45%.

#### 3.2.3. Quy hoạch phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch

Phấn đấu đưa lĩnh vực thương mại - dịch vụ - du lịch thành đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Đến năm 2020, tỷ trọng doanh thu thương mại và dịch vụ khu vực hành lang kinh tế chiếm khoảng 70% doanh thu của cả tỉnh, với tốc độ tăng trung bình hàng năm khoảng 17%. Đến năm 2030, tỷ trọng doanh thu thương mại dịch vụ khu vực hành lang kinh tế chiếm khoảng 80% của tỉnh, tốc độ tăng trung bình khoảng 20%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành du lịch giai đoạn 2011 - 2020 là 15 - 20%/năm, đến giai đoạn 2021 - 2030 tốc độ tăng trung bình khoảng 20%. Đến năm 2020 thu nhập từ dịch vụ du lịch chiếm 3,5% GDP toàn tỉnh; đến năm 2030, thu nhập từ dịch vụ du lịch chiếm khoảng 5% GDP của tỉnh.

### 3.3. Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

#### 3.3.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông

Đến năm 2020: xây dựng được mạng lưới giao thông liên hoàn kết nối quốc lộ 14 đã hoàn thành với các trung tâm kinh tế của tuyến hành lang và của toàn tỉnh. Các tuyến đường tránh đô thị được hoàn thành đưa vào sử dụng. Cơ sở hạ

tăng giao thông đô thị và các trung tâm kinh tế trên tuyến hành lang được hoàn thiện và phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển và kết nối với các địa phương khác.

Đến năm 2030: Tiếp tục nâng cấp các tuyến giao thông, hoàn thành mạng lưới trục giao thông kết nối dọc ngang, nâng cấp các tuyến đường và chất lượng mặt đường đảm bảo giao thông thuận lợi. Triển khai xây dựng đường cao tốc Bắc Nam, tuyến đường Hồ Chí Minh mới theo quy hoạch đường cao tốc của Chính phủ. Phát triển hạ tầng giao thông của các trung tâm kinh tế mới trên dọc tuyến hành lang quốc lộ 14.

### *3.3.2. Quy hoạch mạng lưới thủy lợi*

Đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình đã có, đảm bảo phục vụ sản xuất ổn định và an toàn trong mùa mưa lũ. Tận dụng điều kiện địa hình, nguồn nước, sử dụng nhiều biện pháp để đảm bảo nguồn nước tưới vào mùa khô. Khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi, thủy điện tạo nguồn nước cho hệ thống thủy lợi và tưới tiêu. Ưu tiên xây dựng hệ thống hồ chứa thủy lợi tại một số khu vực mà suất đầu tư không lớn nhưng hiệu quả tưới tiêu cao, các khu vực trung tâm sản xuất nông nghiệp.

### *3.3.3. Quy hoạch mạng lưới điện*

Mở rộng và nâng cấp mạng lưới điện để đáp ứng tốt nhu cầu điện cho phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân, đặc biệt tại các khu đô thị, khu cụm công nghiệp và vùng nông thôn. Đến năm 2020 tất cả các thôn, buôn có điện lưới quốc gia, 100% số hộ được sử dụng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Đến năm 2030 đáp ứng đầy đủ với chất lượng tốt nhu cầu điện phục vụ cho sản xuất trên địa bàn, đặc biệt là sản xuất công nghiệp và phục vụ tưới tiêu

### *3.3.4. Quy hoạch mạng lưới nước sạch*

Tiếp tục thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, tập trung đầu tư hệ thống nước sạch trong các đô thị, các trung tâm kinh tế, mở rộng cung cấp nước sạch cho các khu dân cư nông thôn xung quanh trung tâm kinh tế, gồm cả nhà máy cấp nước và hệ thống phân phối nước sạch tới người dân. Đến năm 2020 đảm bảo 100% dân số đô thị được dùng nước sạch, 90% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh. Đến năm 2030 đảm bảo 100% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, 30% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

### *3.3.5. Quy hoạch mạng lưới xử lý rác thải và vệ sinh môi trường.*

Xây dựng mạng lưới thu gom và xử lý rác thải hoàn chỉnh, áp dụng các công nghệ hiện đại để xử lý rác thải một cách hiệu quả, đảm bảo đến năm 2020 có 90% rác thải đô thị được thu gom, 80% được xử lý bằng công nghệ hiện đại, 80% khu vực nông thôn có hố thu gom rác và bãi rác được quy hoạch. Đến năm 2030 có 100% số rác thải đô thị được thu gom và xử lý bằng công nghệ hiện đại, 100% rác thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn được thu gom vào các bãi rác tập trung, trong đó 60% được đưa vào xử lý bằng máy móc và công nghệ hiện đại.

### *3.3.6. Quy hoạch hạ tầng bưu chính viễn thông.*

Phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh



tế của tuyến hành lang nói chung và các trung tâm kinh tế trên tuyến hành lang nói riêng. Phục vụ nhu cầu của người dân trong việc thông tin liên lạc, đồng thời thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ viễn thông trên địa bàn.

### 3.4. Quy hoạch phát triển các lĩnh vực xã hội

#### 3.4.1. Quy hoạch phát triển mạng lưới giáo dục

Phát triển hoàn thiện hệ thống giáo dục và đào tạo trên tuyến hành lang quốc lộ 14 theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng giáo dục một cách toàn diện.

- Đến năm 2020: Mở rộng hệ thống trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia trên 40%; phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chất lượng cao và trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đạt nhóm trường trọng điểm chất lượng của cả nước. Nâng tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục lên 80%; tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học lên 99%; trung học cơ sở lên 95%; có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương.

- Đến năm 2030: 100% hệ thống trường học ở tất cả các cấp đào tạo được xây dựng đồng bộ theo hướng hiện đại.

#### 3.4.2. Quy hoạch phát triển y tế

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế trên tuyến hành lang kinh tế Quốc lộ 14 theo hướng công bằng, hiệu quả đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng và phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh theo cụm dân cư không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tuyến hành lang kinh tế Quốc lộ 14.

Tỷ lệ chết trẻ dưới 1 tuổi <16% năm 2020 và tiếp tục duy trì giảm dần theo từng năm; Tỷ lệ chết trẻ dưới 5 tuổi <22% năm 2020 và tiếp tục duy trì giảm theo từng năm đến 2030; Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi <18% năm 2020 và <10% năm 2030; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trên 99% vào năm 2030; Phần đầu 100% xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; Đến năm 2020 có 7 bác sĩ và 2 dược sĩ đại học/vạn dân và đến năm 2030 có 12 bác sĩ, 2,5 dược sĩ đại học/vạn dân; Đạt 23 giường bệnh/vạn dân vào năm 2020 và năm 2030 đạt 26,5 giường bệnh/vạn dân.

#### 3.4.3. Quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa

Phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá nghệ thuật đã được xây dựng, xây dựng mới thiết chế văn hoá ở cấp tỉnh, cấp huyện và một số địa phương còn thiếu, theo hướng công trình văn hoá hiện đại.

Đến năm 2020: 100% xã, thị trấn có nhà văn hóa, 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa; 100% thư viện huyện được xây dựng trụ sở; 90% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 25% xã, phường, thị trấn văn hóa; 70% thôn, bon, tổ dân phố văn hóa; 100% các cơ quan, đơn vị, trường học đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

Định hướng đến năm 2030: xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa ở



tất cả các cấp theo hướng hiện đại.

#### *3.4.4. Quy hoạch mạng lưới thiết chế thể thao*

Tập trung sức lực của ngành và địa phương, xây dựng hoàn thành thiết chế thể thao cấp tỉnh; sân bóng đá, khu vui chơi giải trí cấp huyện. Phần đầu phát triển nhanh trình độ thể thao thành tích cao.

- Đến năm 2020: 100% huyện, thị có sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu đạt tiêu chuẩn, 28% dân số rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên, 16% số hộ được công nhận là gia đình thể thao.

- Đến năm 2030: duy trì, nâng cấp 100% huyện, thị có sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu đạt tiêu chuẩn, đảm bảo tất cả dân cư trên toàn tuyến được rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên, tăng cường sức khỏe.

#### **4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục đính kèm)**

#### **5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch**

##### *a) Về cơ chế, chính sách đặc thù:*

- Thể chế hóa các nội dung Quy hoạch theo từng ngành, lĩnh vực và bổ sung vào trong các quy hoạch hiện hành của tỉnh và huyện nằm trên địa bàn tuyên hành lang.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực giúp các địa phương nằm trong Đề án đầu tư các công trình, dự án trọng điểm; phân cấp tỷ lệ phân chia nguồn thu ngân sách giữa tỉnh với huyện theo hướng để lại tỷ lệ thu ngân sách cao hơn so với quy định; nâng cao tính chủ động điều hành tài chính của các địa phương trong Đề án;

- Trao quyền cho chính quyền địa phương xây dựng và tổ chức thực chính sách về môi trường đầu tư, nguồn vốn, lao động, thu hút công nghệ cao, các chính sách mở rộng và phát triển thị trường, phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng...

- Ưu đãi về thuế mức thấp nhất đối với doanh nghiệp đầu tư vào các ngành, sản phẩm trong danh mục các dự án khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ thông tin và kết nối thị trường.

##### *b) Về huy động nguồn lực:*

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Đề án khoảng 120 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2015-2020 và 290 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2021-2030, trong đó:

- Nhu cầu vốn ngân sách nhà nước huy động khoảng 35 nghìn tỷ đồng giai đoạn đến năm 2020 và khoảng 70 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2021-2030.

- Nhu cầu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài huy động khoảng 30 nghìn tỷ đồng giai đoạn đến năm 2020 và khoảng 90 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2021-2030.

- Nhu cầu vốn từ các doanh nghiệp và dân cư huy động khoảng 55 nghìn tỷ đồng giai đoạn đến năm 2020 và khoảng 130 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2021-2030.

##### *c) Đối với vốn đầu tư cho lĩnh vực xã hội và cơ sở hạ tầng*

### *(1) Đối với đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông*

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và tỉnh, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai xây dựng các dự án có qui mô lớn, giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của các địa phương trong tuyến hành lang, và các dự án trọng điểm về giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; các dự án phát triển nông thôn bền vững...

- Tạo các nguồn vốn để triển khai quy hoạch giao thông trên địa bàn tuyến hành lang, trong đó triển khai xây dựng các các tuyến trục giao thông chính như đã đề xuất, nguồn vốn từ ngân sách Trung ương sẽ là chủ yếu.

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư cho hạ tầng giao thông, ưu tiên cho các dự án đầu tư có sự tham gia của các doanh nghiệp, đặc biệt theo phương thức hợp tác công tư (PPP).

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các dự án hạ tầng, gắn với các chính sách khuyến khích đầu tư hấp dẫn để thu hút nguồn vốn đầu tư vào hạ tầng giao thông cũng như đầu tư khai thác các tiềm năng trên địa bàn, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

### *(2) Đối với đầu tư cho giáo dục*

- Huy động, lồng ghép nguồn vốn thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới để xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục khu vực nông thôn, nhất là các vùng nông thôn nghèo, cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ.

- Tinh xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển các trường ngoài công lập theo hướng miễn, giảm tiền thuê đất, không phân biệt các hình thức tư thục hay công lập.

### *(3) Đối với đầu tư cho y tế*

UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với ngành y tế và các ngành có liên quan lập dự án kêu gọi vốn đầu tư phát triển các cơ sở khám chữa bệnh, dịch vụ y tế ngoài công lập trên địa bàn.

### *d) Giải pháp phát triển các ngành kinh tế*

#### *(1) Giải pháp phát triển nông nghiệp*

Tăng cường nguồn vốn tín dụng, sử dụng tốt các quỹ tín dụng và quỹ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, mở rộng mạng lưới hợp tác xã tín dụng nhằm tạo điều kiện để các hộ nông dân vay vốn thuận lợi.

Tiếp tục và mở nhiều lớp tập huấn chuyển giao các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi những giống cây, con có giá trị kinh tế cao. Hỗ trợ kinh phí để xây dựng các mô hình trình diễn tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Tạo điều kiện và hỗ trợ nông dân giao lưu và trao đổi hàng hoá bằng việc hướng dẫn công tác tiếp thị, quảng cáo các sản phẩm hàng hoá tập trung, có quy mô lớn. Xúc tiến các chương trình hợp tác trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, phát triển và mở rộng các loại dịch vụ nhằm nâng cao chuỗi giá trị của sản phẩm nông nghiệp hàng hoá.



## *(2) Giải pháp phát triển công nghiệp*

Quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến nông sản gắn với quy hoạch phát triển nông nghiệp và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương trên địa bàn tuyến hành lang. Tập trung đầu tư xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến nông lâm sản phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần làm tăng giá trị các sản phẩm nông-công nghiệp của địa phương, khai thác có hiệu quả các mối liên kết ngành, vùng.

Xúc tiến đầu tư cơ sở hạ tầng của các khu, cụm công nghiệp để đảm bảo tiến độ gọi mời nhà đầu tư. Tạo môi trường thông thoáng và thực hiện tích cực công tác xúc tiến đầu tư vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp.

Đầu tư chiều sâu để hiện đại hóa từng công đoạn trong các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp trên thị trường trong nước và thế giới.

Tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động một số dự án công nghiệp trọng điểm, đặc biệt là trong lĩnh vực khai thác chế biến bauxite, điện nhôm.

Tổ chức mạng lưới thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp thông qua hình thành các mạng lưới chợ và các trung tâm bán hàng cao cấp, xúc tiến xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương để phục vụ xuất khẩu.

## *(3) Giải pháp phát triển các ngành thương mại - dịch vụ*

Huy động mọi nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển thương mại dịch vụ. Có các chính sách hỗ trợ trực tiếp trong quá trình phát triển cơ sở vật chất thương mại như: xây dựng chợ và các trung tâm bán hàng cao cấp.

Đổi mới phương thức kinh doanh theo hướng văn minh, hiện đại từng bước phát triển phù hợp với xu thế chung của tỉnh và cả nước.

Xúc tiến công tác quảng bá tiềm năng du lịch và có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư khai thác các tiềm năng du lịch của tuyến hành lang.

## *(4) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực*

Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực bao gồm đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kinh doanh có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ giỏi, có kỹ năng tốt để đáp ứng yêu cầu chuyên môn và hội nhập và đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động.

Thực hiện cơ chế tuyển dụng linh hoạt thông qua chính sách ưu tiên những người có trình độ cao về địa phương làm việc; cơ chế tuyển dụng bằng thị trường lao động để khuyến khích người lao động có khả năng lao động được hưởng mức thu nhập cao.

Khuyến khích người lao động nâng cao trình độ bằng cách tăng cường khả năng tham gia của họ trong các khóa đào tạo công nhân kỹ thuật, phù hợp với nhu cầu của thị trường thông qua hình thức địa phương hỗ trợ học phí cho

người học trên địa bàn thông qua các cơ sở đào tạo.

*(5) Giải pháp về khoa học, công nghệ*

Chủ động phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan quản lý ở Trung ương và tỉnh để nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, tập trung trước hết vào một số lĩnh vực như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng chuyên canh tập trung lớn, vùng sản xuất hàng hoá chất lượng cao.

Tăng cường ứng dụng công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin vào công tác quản lý trên địa bàn. Để thực hiện được yêu cầu này, cần có một chương trình về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Xây dựng chính sách về đổi mới công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp.

*(6) Giải pháp về môi trường*

Gắn quy hoạch phát triển công nghiệp, kinh tế xã hội của tỉnh với phát triển bền vững môi trường, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải tại các khu, cụm công nghiệp

Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người lao động, cán bộ quản lý doanh nghiệp, ban quản lý các khu, cụm công nghiệp; thực hiện các quy định của pháp luật trong đầu tư mới các công trình công nghiệp, trong khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên.

*(7) Giải pháp liên kết vùng, địa phương và ngành trong phát triển tuyến*

Xây dựng các mô hình phát triển theo dạng các cụm liên kết ngành, gắn với các điểm tập trung kinh tế (có thể là công nghiệp, có thể là thương mại, dịch vụ) nằm trong tuyến hành lang tạo dựng các nhu cầu liên kết về đầu vào, đầu ra, công nghệ và nguồn lực.

Tiến hành các hoạt động quảng bá, xúc tiến và gọi mời các nhà đầu tư nước ngoài, liên kết với các nhà đầu tư của các địa phương khác nhằm hình thành cụm liên kết hợp lý để phát triển các hoạt động kinh tế.

Xây dựng chính sách và tạo các điều kiện thuận lợi đáp ứng các nhu cầu cơ bản về kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nghiên cứu và triển khai, công nghệ thông tin, hỗ trợ tài chính, tạo việc làm, bền vững môi trường.

*e) Giải pháp tổ chức thực hiện*

*(1) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và đảng viên trên địa bàn tuyến hành lang trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch:*

(a) Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quy hoạch.

(b) Tăng cường nâng cao nhận thức của cán bộ đảng các cấp về mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế với phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội.

*(2) Nâng cao vai trò, hiệu quả, hiệu lực trong tổ chức thực hiện quy hoạch của chính quyền các cấp.*



Các cấp chính quyền phải lấy các mục tiêu, nội dung đã đề ra trong quy hoạch được duyệt làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, các chương trình dự án phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

### **(3) Tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội**

Làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến công khai rộng khắp nội dung và định hướng quy hoạch đã được thông qua trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc họp cộng đồng dân cư, hội thảo các tổ chức xã hội.

Huy động các tổ chức quần chúng, đoàn thể, xã hội trong địa bàn thực hiện sự tuyên truyền vận động để mọi người nhận thức được mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn quy hoạch.

### **(4) Cơ chế thực hiện**

- Sau khi phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế dọc tuyến quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông các cấp, các ngành có căn cứ xây dựng các quy hoạch, kế hoạch và các dự án phát triển kinh tế và xã hội.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành của tỉnh với chính quyền các huyện trên địa bàn tuyến hành lang kinh tế trong việc triển khai các nội dung quy hoạch sau khi đã được phê duyệt.

- Dành cho các địa phương trong tuyến hành lang kinh tế một cơ chế đặc thù trong việc ưu tiên trong đầu tư (qua ngân sách của các huyện, thị xã và đầu tư trực tiếp của tỉnh).

- Tạo điều kiện cho các huyện, thị xã tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi cho đầu tư phát triển; tham gia các chương trình mục tiêu, ODA, điện, giao thông, nước sạch...

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch**

### **1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch:**

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan:

- Công bố, phổ biến "Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế dọc tuyến quốc lộ 14, tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" đến cấp ủy Đảng, chính quyền, các Sở ngành, đoàn thể, địa phương và Nhân dân trong tỉnh. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch 5 năm, hàng năm để từng bước thực hiện Quy hoạch;

- Giám sát thực hiện các nội dung của Quy hoạch; phối hợp với các Sở ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch;

- Hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch; trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn phát triển.

b) Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

2. Các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung theo Quy hoạch này; phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan chủ động tổ chức thực hiện các nội dung theo quy hoạch ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách;

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã vùng Đề án chịu trách nhiệm rà soát các quy hoạch hiện có, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các nội dung theo Quy hoạch này; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nội dung Quy hoạch trong phạm vi của địa phương mình.

4. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã vùng Đề án và các Sở, ngành liên quan chủ động tổ chức thảo luận, thống nhất đề xuất các chương trình, dự án có tính liên kết giữa các địa phương vùng Đề án và sắp xếp thứ tự ưu tiên, tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh việc hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Quân khu 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH. *LL*

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Lê Diễn**



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**  
 (Kèm theo Quyết định số 1224/QĐ-UBND  
 ngày 14/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên dự án	Giai đoạn quy hoạch	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>		
1	Xây dựng 01 trại lai tạo và nhân giống bò thịt chất lượng cao tại huyện Đắk Mil mới.	2015-2020	
2	Dự án phát triển cây hồ tiêu, mở rộng diện tích trồng cây hồ tiêu trên địa bàn huyện Đắk Song.	2015-2020	
3	Dự án phát triển các vùng trồng cây ăn quả dài ngày, với các loại cây chủ lực là xoài, nhãn, sầu riêng, trên địa bàn huyện Đắk Song.	2015-2020	
4	Lập dự án trồng rừng cảnh quan phục vụ du lịch trên hành lang QL14 đoạn qua huyện Đắk Song	2015-2020	
5	Dự án nuôi các loại cá nước lạnh ở TX Gia Nghĩa và TX Kiến Đức.	2015-2020	
6	Dự án khu nông nghiệp chất lượng cao trên địa bàn trung tâm huyện Cư Jút	2021-2030	
7	Dự án xây dựng vùng trồng cỏ và chăn nuôi bò sữa tập trung trên địa bàn các xã phía Nam Cư Jút và huyện Đắk Mil mới.	2021-2030	
8	Dự án vùng nông nghiệp chất lượng cao với các sản phẩm là rau và hoa trên địa bàn TP Gia Nghĩa và TX Kiến Đức.	2021-2030	
9	Dự án xây dựng một cơ sở sản xuất giống rau, hoa chất lượng cao.	2021-2030	
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực công nghiệp</b>		
1	Đầu tư xây dựng một nhà máy gỗ tinh chế tại Cư Jút	2015-2020	
2	Xây dựng 1 nhà máy sản xuất thức ăn gia súc tại địa bàn huyện Cư Jút	2015-2020	
3	Xây dựng mới 02 nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu tại huyện Đắk Mil (xã Thuận An), công suất đạt 30.000 tấn/năm.	2015-2020	
4	Đầu tư xây dựng một nhà máy chế biến hoa	2015-2020	

	quả tại Đắk Mil (xã Thuận An)		
5	Xây dựng một nhà máy chế biến tiêu tại huyện Đắk Song	2015-2020	
6	Tập trung đầu tư cho các cơ sở khai thác bauxite tại Nhân Cơ, Đắk R'Lấp	2015-2020	
7	Hoàn thành và đưa vào khai thác nhà máy chế biến alumin Nhân Cơ	2015-2020	
8	Hoàn thành và đưa vào vận hành nhà máy điện phân nhôm công suất 450 000 tấn/năm tại KCN Nhân Cơ.	2015-2020	
9	Xây dựng mới 1 nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu tại huyện Đắk R'Lấp	2015-2020	
10	Xây dựng một nhà máy chế biến hoa quả tại TX Kiến Đức	2015-2020	
11	Xây dựng một nhà máy sản xuất bao bì tại TX Kiến Đức	2015-2020	
12	Nhà máy chiết và phân phối LPG công nghiệp tại KCN Nhân Cơ,	2015-2020	
13	Nhà máy chiết và phân phối LPG công nghiệp CCN Thuận An,	2015-2020	
14	Nhà máy cơ khí chế tạo máy và sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác và chế biến bauxit tại KCN Nhân Cơ	2015-2020	
15	Đầu tư 01 nhà máy sản xuất NaOH 100% và Na <sub>2</sub> O 100% tại KCN Nhân Cơ	2015-2020	
16	Đầu tư 01 nhà máy sản xuất bao bì PP tại KCN Nhân Cơ, công suất 4.000 tấn sp/năm	2015-2020	
17	Xây dựng mới 1 nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu tại huyện Đắk Mil mới	2021-2030	
18	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu tại huyện Đắk Mil mới	2021-2030	
19	Xây dựng một nhà máy giết mổ gia súc tại địa bàn huyện Cư Jút	2021-2030	
20	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tại Cư Jút	2021-2030	
22	Xây dựng một nhà máy chế biến đá bazan cây xuất khẩu tại huyện Đắk Mil mới	2021-2030	
23	Xây dựng mới một cơ sở giết mổ và chế biến gia súc tại Đắk Song	2021-2030	



24	Xây dựng 1 nhà máy sản xuất các sản phẩm cao su tinh chế tại huyện Đắk R'Lấp	2021-2030	
<b>C</b>	<b>Lĩnh vực TMDV</b>		
1	Xây dựng chợ đầu mối nông sản tại xã Cư Nia, huyện Cư Jút, xây dựng chợ nông sản Đắk Mil	2015-2020	
2	Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại hạng 2 trên địa bàn TX Gia Nghĩa	2015-2020	
3	Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại hạng 3 trên địa bàn TT Đắk Mil	2015-2020	
4	Hoàn thiện hạ tầng thương mại Khu kinh tế cửa khẩu Đắk Per	2015-2020	
5	Xây dựng 1 tổng kho thương mại tại trung tâm huyện Đắk Mil;	2015-2020	
6	Xây dựng và hoàn thành bến xe liên tỉnh tại TX Gia Nghĩa	2015-2020	
7	Nâng cấp 2 bến xe hiện có tại các huyện Đắk R'Lấp, Đắk Mil đạt tiêu chuẩn loại IV	2015-2020	
8	Xây dựng các trạm dừng nghỉ theo quy hoạch	2015-2020	
9	Xây dựng 1 trung tâm thương mại hạng 3 tại TT Ea T'ling, 1 trung tâm thương mại hạng 3 tại TT Đức An	2021-2030	
10	Xây dựng bến xe liên tỉnh Bắc Đắk Nông (huyện Cư Jút)	2021-2030	
11	Nâng cấp, mở rộng diện tích khu kinh tế cửa khẩu Đắk Per	2021-2030	
<b>D</b>	<b>Lĩnh vực du lịch</b>		
1	Đầu tư xây dựng khu công viên vui chơi giải trí Liêng Nung (TX Gia Nghĩa).	2015-2020	
2	Đầu tư hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng và mở rộng khai thác dịch vụ khu du lịch sinh thái – văn hoá cụm thác Drây Sáp – Gia Long – Trinh Nữ.	2015-2020	
3	Đầu tư hạ tầng điểm du lịch thác Bảy tầng (thác Len Gun)	2015-2020	
4	Đầu tư xây dựng làng văn hóa đồng bào M'Nông, bon Bu Prăng, bảo tồn sử thi M'Nông - Ot N'Rông	2015-2020	

5	Tập trung đầu tư khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Đắk R'Tih	2015-2020	
6	Đầu tư xây dựng khu vực Hồ Tây (TX Đức Lập) thành địa điểm lý tưởng nghỉ dưỡng, tham quan, dừng chân	2021-2030	
7	Mở rộng đầu tư khai thác khu du lịch sinh thái lịch sử Nam Nung	2021-2030	
8	Đầu tư các khu du lịch thác xung quanh khu vực TX Gia Nghĩa.	2021-2030	
<b>E</b>	<b>Lĩnh vực CSHT</b>		
1	Tuyến đường trục dọc 1	2015-2020	
2	Tuyến đường trục ngang 3	2015-2020	
3	Tuyến đường trục ngang 5	2015-2020	
4	Tuyến đường tránh thị xã Gia Nghĩa	2015-2020	
5	Nâng công suất nhà máy nước TX Gia Nghĩa lên 18000m <sup>3</sup> /ngày đêm	2015-2020	
6	Triển khai dự án cấp nước đô thị Kiến Đức, xây nhà máy nước công suất 10.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	2015-2020	
7	Đầu tư 02 lò đốt rác công nghệ Nhật Bản tại Cư Jút	2015-2020	
7	Đầu tư xây dựng bãi rác thải tập trung tại TX Đức Lập và TT Đắk Mil mới với quy mô 15ha	2015-2020	
9	Đầu tư xây dựng bãi rác thải tập trung tại thị trấn Đức An quy mô 15ha.	2015-2020	
10	Đầu tư nhà máy xử lý rác thải và bãi chứa rác thải trên diện tích 20ha tại Đắk Nia, TX Gia Nghĩa.	2015-2020	
11	Đầu tư xây dựng bãi thu gom rác thải và nhà máy xử lý chất thải rắn, rác thải của các cơ sở y tế, bệnh viện tại khu vực xã Quảng Tín.	2015-2020	
12	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn với quy mô diện tích 5ha tại xã Đắk Ru.	2015-2020	
13	Tuyến đường trục dọc 2	2021-2030	
14	Tuyến đường trục dọc 7	2021-2030	
15	Tuyến đường tránh thị xã Đức Lập	2021-2030	
16	Tuyến đường tránh thị xã Kiến Đức	2021-2030	



17	Sân bay Nhân Cơ	2021-2030	
18	Công trình thủy lợi Đắc Song	2021-2030	
19	Nâng công suất nhà máy nước tại TX Đức Lập lên 10.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	2021-2030	
20	Đầu tư xây mới các trạm cấp nước tại TT Đắc Mil mới, TT Đức An.	2021-2030	
21	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải công nghiệp tại KCN Nhân Cơ.	2021-2030	
22	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đồng bộ tại các TX, thị trấn.	2021-2030	
<b>F</b>	<b>Lĩnh vực xã hội</b>		
1	Dự án đầu tư trường THPT chuyên Tỉnh Đắc Nông.	2015-2020	
2	Dự án đồng bộ hoá các trường THCS và THPT theo các tiêu chuẩn quốc gia.	2015-2030	
3	Dự án đầu tư trường Cao đẳng Cộng đồng Đắc Nông.	2015-2020	
4	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tỉnh giai đoạn 2	2015-2020	
5	Dự án đầu tư xây dựng các bệnh viện chuyên ngành: Bệnh viện Lao, phổi; Bệnh viện Sản - Nhi; Bệnh viện y học cổ truyền.	2015-2020	
6	Dự án xây dựng bệnh viện đa khoa Khu vực Nam Tây Nguyên	2021-2030	
7	Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến huyện.	2015-2030	
8	Dự án bảo tồn tìm kiếm khai thác di sản văn hoá dân tộc thiểu số bản địa (vật thể và phi vật thể): truyện kể, sử thi, dân ca, trang trí, kiến trúc...	2015-2020	
9	Dự án triển khai hoạt động và hoàn chỉnh làng văn hoá dân tộc tại trung tâm TX Gia Nghĩa, làng văn hóa du lịch của đồng bào M'Nông.	2015-2020	
10	Dự án khảo cổ di tích, tôn tạo điểm tham quan du lịch di tích lịch sử và sinh thái văn hóa Liêng Nung, Năm Nung, Tà Đùng.	2015-2020	
11	Dự án khảo cổ di tích tôn tạo điểm tham quan du lịch, di tích lịch sử và thác Trinh nữ,	2015-2020	



	thác Đrây Sáp, thác Đăk Glun...		
12	Dự án tài trợ xây dựng cải tạo Nhà văn hoá cộng đồng (dân tộc) ở làng buôn trong tỉnh Đăk Nông.	2015-2030	
13	Sân vận động tỉnh (giai đoạn 2)	2015-2020	
14	Sân vận động cấp huyện	2015-2020	
15	Bể bơi tập luyện và thi đấu của tỉnh	2015-2020	
16	Trường văn hóa, thể thao, du lịch	2015-2020	